| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THẠNH PHÚ**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 199/2024/DS-ST
Ngày: 25-9-2024
V/v tranh chấp "hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hồ Văn Tú

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng
2. Bà Bùi Thị Duyên

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 324/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần N; địa chỉ trụ sở: 2 C, phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần N. Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Khải H; Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần N. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hoàng Đức Q, chức vụ: Giám đốc Phòng N – chi nhánh huyện T, tỉnh Bến Tre; địa chỉ: 1 khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng Đức Q là ông Phạm Như Q1, sinh năm 1992; địa chỉ: A khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (ông Q1 có đơn xin vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Bà Lê Thị Đ, sinh năm: 1968; địa chỉ: số B ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: số E ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Ngày 22/5/2023, Ngân hàng thương mại cổ phần N - Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Bến Tre và bà Lê Thị Đ giao kết hợp đồng tín dụng số 0170/2023/609-TD-CV với nội dung cấp tín dụng cho bà Lê Thị Đ bằng hình thức cho vay số tiền 600.000.000 đồng.

Ngày 22/5/2023, Ngân hàng thương mại cổ phần N và bà Lê Thị Đ giao kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân với nội dung cấp hạn mức thẻ tín dụng với số tiền 20.000.000 đồng cho bà Lê Thị Đ.

Khoản cấp tín dụng trên được bảo đảm bằng tài sản là bất động sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Lê Thị Đ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0121/2023/609-TD-BD, ký ngày 22/5/2023 thông tin tài sản chi tiết như sau: quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 11, tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 289815, số vào sổ cấp GCN: CS08883 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 15/9/2022 cho bà Lê Thị Đ.

Ngày 18/5/2023, Ngân hàng N đã giải ngân cho bà Lê Thị Đ theo khế giấy nhận nợ số 01/GNN-0170/2023/609-TD-CV ngày 22/5/2023 với số tiền 600.000.000 đồng. Tính đến ngày 11/06/2024, bà Lê Thị Đ còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền 624.987.576 đồng, trong đó: Nợ gốc: 600.000.000 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 12.642.434 đồng; Nợ lãi trong hạn: 6.147.102 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.164.384 đồng và nợ lãi chậm trả lãi: 33.656 đồng.

Theo quy định tại hợp đồng tín dụng, bà Lê Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán nợ đúng hạn và đầy đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần N. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh nên Ngân hàng thương mại cổ phần N đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc của khách hàng sang nợ quá hạn từ ngày 01/06/2024. Như vậy, bà Lê Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần N là vi phạm hợp đồng tín dụng.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà Lê Thị Đ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tính đến ngày 11/06/2024 là 624.987.576 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 600.000.000 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 12.642.434 đồng; Nợ lãi trong hạn: 6.147.102 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.164.384 đồng và nợ lãi chậm trả lãi: 33.656 đồng. Yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 12/6/2024 theo thỏa thuận tại hợp

đồng tín dụng từng lần số 0170/2023/609-TD-CV ngày 22/5/2022 đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần N.

Trường hợp bà Lê Thị Đ không thanh toán khoản nợ hoặc thanh toán không hết nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 11, tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 289815, số vào sổ cấp GCN: CS08883 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 15/9/2022 cho bà Lê Thị Đ. Nếu số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì bà Lê Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán hết phần nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Đối với chi phí tố tụng mà Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã nộp cho việc thu thập chứng cứ trong vụ án này thì Ngân hàng tự nguyện nộp.

*Bị đơn bà Lê Thị Đ vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.*

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị L trình bày:*

Trước đây, bà Lê Thị Đ, sinh năm 1968; địa chỉ số B ấp T, xã T, huyện T có cho tôi thuê đất là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 11, tại địa chỉ xã T, huyện T, hợp đồng thuê đất có thời hạn là 01 năm tính kể từ ngày 01/3/2014 âm lịch đến ngày 01/3/2025 âm lịch. Hợp đồng thuê thửa đất trên giữa tôi và bà Đ thỏa thuận bằng lời nói, không lập văn bản. Sau khi thỏa thuận xong thì bà Lê Thị Đ giao thửa đất của bà Đ cho tôi sử dụng từ ngày 01/3/2014 âm lịch cho đến nay, hiện nay tôi sử dụng để trồng sắn củ. Khi bà Đ cho tôi thuê đất thì tôi không biết bà Đ thế chấp thửa đất trên để vay vốn Ngân hàng, bà Đ không có nói cho tôi biết, đến khi Tòa án xuống thẩm định tài sản thì tôi mới biết. Nay tôi không có yêu cầu, không có tranh chấp gì trong vụ án này. Tôi và bà Đ sẽ tự thỏa thuận hợp đồng thuê đất với nhau nếu không thỏa thuận được thì tôi sẽ khởi kiện trong một vụ án khác. Tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do bận công việc nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tôi trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án, tôi cam kết là sẽ không có khiếu nại gì về sau.

***Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ghi nhận bà Đoàn Thị L không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Đ trả tiền vay nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Lê Thị Đ cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: hợp đồng tín dụng từng lần số 0170/2023/609-TD-CV ngày 22/5/2023, hợp đồng thế chấp tài sản số 0121/2023/609-TD-BD ngày 22/5/2023 đã thể hiện đầy đủ họ tên, năm sinh và địa chỉ của bà Lê Thị Đ, quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Đ vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bị đơn bà Lê Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Đ. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần N là ông Phạm Như Q1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị L có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Như Q1 và bà Đoàn Thị L.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần N yêu cầu bà Lê Thị Đ trả số tiền gốc còn nợ là 600.000.000 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 12.642.434 đồng; Nợ lãi trong hạn: 6.147.102 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.164.384 đồng và nợ lãi chậm trả lãi: 33.656 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 12/6/2024 đến khi bà Lê Thị Đ trả tất nợ theo các thỏa thuận đã ký kết. Trường hợp bà Lê Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ và hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự  phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 289815, số vào sổ cấp GCN: CS08883 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày

15/9/2022 cho bà Lê Thị Đ.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã cung cấp cho Tòa án, hợp đồng tín dụng từng lần số 0170/2023/609-TD-CV ngày 22/5/2023, giấy nhận nợ ngày 22/5/2023, hợp đồng thế chấp tài sản số 0121/2023/609-TD-BD ngày 22/5/2023, bảng kê chiết tính các khoản nợ gốc nợ lãi tính đến hết ngày 11/6/2024 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn ngày 22/5/2023. Thấy rằng, hợp đồng tín dụng từng lần, giấy nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản và giấy đề nghị cấp thể tín dụng kiêm phương án vay vốn được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần N với bà Lê Thị Đ xét về hình thức và nội dung là phù hợp theo quy định của Bộ luật Dân sự và Luật các Tổ chức tín dụng, các hợp đồng trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện nên có hiệu lực thi hành đối với các bên nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các nội dung đã giao kết làm cơ sở để giải quyết vụ án. Do bà Lê Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N từ ngày 01/6/2024 theo các thỏa thuận trong hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần N nên Ngân hàng Thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Đ phải có nghĩa vụ trả tiền vay, tiền lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tạm tính đến ngày 11/6/2024 là 624.987.576 đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày 12/6/2022 theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từng lần số 0170/2023/609-TD-CV ngày 22/5/2022 đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng và phù hợp với Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng Thương mại cổ phần N. Thấy rằng, Ngân hàng và bà Lê Thị Đ đã thỏa thuận thế chấp tài sản để đảm bảo thanh toán cho khoản vay là thửa đất số 21, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 289815, số vào sổ cấp GCN: CS08883 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 15/9/2022 cho bà Lê Thị Đ. Ngân hàng và bà Lê Thị Đ đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 0121/2023/609-TD-BD ngày 22/5/2023, hợp đồng này được công chứng tại Văn phòng C và có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre. Việc bà Lê Thị Đ thế chấp tài sản để đảm bảo việc trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Nghi định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị L không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về chi phí tố tụng: tổng cộng là 2.000.000 đồng, Ngân hàng Thương mại cổ phần N tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[8] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N đối với bà Lê Thị Đ.

Buộc bà Lê Thị Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền tổng cộng là 624.987.576 đồng (Sáu trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó gồm: Nợ gốc 600.000.000 đồng; Nợ thẻ tín dụng 12.642.434 đồng; Nợ lãi trong hạn 6.147.102 đồng; Nợ lãi quá hạn 6.164.384 đồng và nợ lãi chậm trả lãi 33.656 đồng.

Bà Lê Thị Đ có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 12/6/2024 cho đến khi thanh xong hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N theo hợp đồng tín dụng từng lần số 0170/2023/609-TD-CV ngày 22/5/2022.

Trường hợp bà Lê Thị Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) số 0121/2023/609-TD-BD ngày 22/5/2023 đối với thửa đất thửa đất số 21, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 289815, số vào sổ cấp GCN: CS08883 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 15/9/2022 cho bà Lê Thị Đ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Lê Thị Đ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần

N. Nếu số tiền thu được từ bán, xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Lê Thị Đ có nghĩa vụ trả hết khoản nợ vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N cho đến khi hết nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần N tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lê Thị Đ phải nộp số tiền 28.999.503 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần N được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.499.752 đồng theo biên lai thu số 0001459 ngày 05/7/2024.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hồ Văn Tú**